

Bản án số: 376/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 24 - 7 - 2024

V/v: Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Nhiên

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Hoàng Nam

Ông Võ Minh Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm Thúy – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 590/2023/TLST - HNGĐ, ngày 10 tháng 10 năm 2023 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 187/2024/QĐXX-ST, ngày 03 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1965 (có đơn xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp VP, xã Vt, huyện GR, tỉnh KG

- Bị đơn: Ông Danh Th (Danh Th), sinh năm 1970 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp VP (nay ấp NH), huyện GR, tỉnh KG.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 25/8/2023 nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày: Bà H và ông Danh Th tự tìm hiểu tiến tới hôn nhân có tổ chức lễ cưới vào năm 1996, nhưng không đăng ký hôn theo quy định. Vợ chồng sống hạnh phúc thời gian thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là không phù hợp tính ý với nhau, bất đồng về quan điểm sống cũng như tiền bạc. Mặc dù vợ chồng đã cho nhau nhiều cơ hội để khắc phục các khuyết điểm. Nhưng suốt thời gian dài vẫn không có kết quả mà ngược lại mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2014 đến nay. Nay bà H xét thấy hôn nhân giữa bà và ông Th không còn hạnh phúc, bà không còn tình cảm vợ chồng với ông Th, nên bà xin được ly hôn với ông Danh Th.

Về con chung: Bà H xác định bà và ông Th có với nhau một người con Danh Ngọc Th1, sinh ngày 07/12/1997, hiện con đã trưởng thành bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Danh Th đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý và các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, nhưng ông Th không có văn bản phản hồi về yêu cầu của nguyên đơn và vắng mặt.

Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Tòa án đã triệu tập ông Danh Th đến tham dự phiên dự phiên tòa đến lần thứ hai nhưng ông Th vẫn vắng mặt, không vì lý do bất khả kháng.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Hội đồng xét xử, Thẩm phán, nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông qua thủ tục niêm yết nơi cư trú của bị đơn nhưng bị đơn vắng mặt. Đối với nguyên đơn có đơn đề nghị vắng mặt, nên đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

Về quan điểm giải quyết vụ án:

Về hôn nhân: Bà H ông Th chung sống vợ chồng với nhau từ năm 1996 nhưng đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn nên xét thấy hôn nhân của ông bà đã vi phạm luật hôn nhân và gia đình. Nên đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị H với ông Danh Th.

Về con chung: Bà Nguyễn Thị H xác định bà và ông Danh Th có một người con chung Danh Ngọc Th1, sinh ngày 07/12/1997, hiện con đã trưởng thành bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung; nợ chung không yêu cầu giải quyết nên đề nghị không xem xét.

Về án phí: Đề nghị áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí; buộc bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành thụ lý đơn đúng trình tự thủ tục, đúng thẩm giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng

Dân sự, ông Danh Th với tư cách là bị đơn trong vụ án có nơi cư trú tại ấp Vĩnh Phú (nay ấp NH), xã VT, huyện GR, tỉnh KG theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang. Quá trình tố tụng nguyên đơn có đơn xin vắng mặt. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không vì lý do bất khả kháng. Căn cứ quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về nội dung: Bà H ông Th tự tìm hiểu tiến tới hôn nhân có tổ chức lễ cưới từ năm 1996, nhưng đến nay không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Xét thấy, bà H, ông Th có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật nhưng ông bà không đăng ký kết hôn nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Do đó, căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình không được công nhận bà H ông Th là vợ chồng.

[3] Về con chung: Con đã trưởng thành không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản, nợ chung: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp thay 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0002126 ngày 09/10/2023, của Chi Cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 266; khoản 1 Điều 227; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Khoản 1 Điều 14; Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/ 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị H và ông Danh Th.

2. Về nuôi con: Không yêu cầu nên không xem xét.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu, nên không xem xét.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn là 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0002126 ngày 09/10/2023, của Chi Cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

5. Quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị H và ông Danh Th vắng mặt, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi bổ sung; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi bổ sung./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện Giồng Riềng;
- CCTHADS huyện Giồng Riềng;
- Các đương sự;
- UBND xã;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Mỹ Nhiên